

Số: 374 /QĐ-SGDĐT

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2021

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 38/2016/QĐ-UBND ngày 08/9/2016 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) Hà Nội;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ;

Căn cứ Kết luận số 8634/KL-STC ngày 31/12/2020 của Sở Tài chính về việc Kết luận thanh tra việc chấp hành quy định của pháp luật về tài chính - kế toán của Sở GDĐT Hà Nội năm 2019 (Kết luận số 8634/KL-STC);

Căn cứ Quyết định số 2449/QĐ-SGDĐT ngày 31/12/2020 của Sở GDĐT Hà Nội về việc điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 (đợt 3) (Quyết định số 2449/QĐ-SGDĐT);

Căn cứ Quyết định số 2406/QĐ-SGDĐT ngày 23/12/2021 của Sở GDĐT Hà Nội về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2021 của các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Sở GDĐT, tổng số tiền điều chỉnh giảm là 585.040.000 đồng (Bằng chữ: Năm trăm tám mươi lăm triệu, không trăm bốn mươi nghìn đồng), chi tiết theo các phụ lục kèm theo.

Ghi chú:

- Số tiền phải thực hiện giảm trừ dự toán theo kiến nghị của Sở Tài chính tại Kết luận số 8634/KL-STC là 28.304.535.000 đồng;

- Số tiền đã thực hiện giảm trừ dự toán năm 2020 tại Quyết định số 2449/QĐ-SGDĐT là 27.719.495.000 đồng;

- Số tiền thực hiện giảm trừ dự toán năm 2021 là 585.040.000 đồng.

Điều 2. Căn cứ số liệu điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2021, Thủ trưởng các đơn vị có tên tại Điều 1 tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng, Trưởng các phòng có liên quan của Sở GDĐT, Thủ trưởng các đơn vị có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính;
- KBNN Thành phố;
- KBNN nơi giao dịch
(gửi qua đơn vị sử dụng ngân sách);
- Đ/c PGĐ Phạm Văn Đại;
- Lưu: VT, KHTC.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Phạm Văn Đại

PHỤ LỤC SỐ 01

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày /2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: nghìn đồng.

Số TT	Tên đơn vị	Dự toán năm 2021 giao tại Quyết định số 2406/QĐ-SGDĐT ngày 23/12/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo. Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề - Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên.					Số điều chỉnh giảm trừ dự toán năm 2021 theo kiến nghị về xử lý tài chính tại Kết luận số 8634/KL-STC ngày 31/12/2020 của Sở Tài chính (lần 02)		Chia ra		Chia ra			Chi khác (sau khi trừ 10% tiết kiệm để cải cách tiền lương)
		Tổng số	Triển lương, phụ cấp, học bổng và các khoản có tính chất lương cơ số 1.210.000 đồng/tháng	Kinh phí ngân sách Thành phố cấp bổ sung để thực hiện cải cách tiền lương do tăng mức lương cơ số lên 1.490.000 đồng/tháng	10% tiết kiệm chi khác để cải cách tiền lương	Chi khác (sau khi trừ 10% tiết kiệm để cải cách tiền lương)	Tổng số	Giảm trừ nguồn cải cách tiền lương	Giảm trừ dự toán chi khác	Tổng số	Tiền lương, phụ cấp, học bổng và các khoản có tính chất lương cơ số 1.210.000 đồng/tháng	Kinh phí ngân sách Thành phố cấp bổ sung để thực hiện cải cách tiền lương do tăng mức lương cơ số lên 1.490.000 đồng/tháng	10% tiết kiệm chi khác để cải cách tiền lương	
A	B	1=2+3+4+5	2	3	4	5	6-7+8	7	8	9-10+...+13	10-2	11-3	12-4-7	13=5-8
	TỔNG SỐ	121.112.765	73.932.258	3.268.755	6.049.366	37.862.386	585.040	181.809	403.231	120.527.725	73.932.258	3.268.755	5.867.557	37.459.155
	Cộng Loại 070 Khoản 072	8.325.209	5.742.306	1.040.436	1.717.740	1.370.727	47.430	-	47.430	8.277.779	5.742.306	1.040.436	1.717.740	1.323.297
1	Trường PTCS Xã Đan	8.325.209	5.742.306	1.040.436	1.717.740	1.370.727	47.430	-	47.430	8.277.779	5.742.306	1.040.436	1.717.740	1.323.297
	Cộng Loại 070 Khoản 074	112.787.556	68.189.952	2.228.319	5.877.626	36.491.659	537.610	181.809	355.801	112.249.946	68.189.952	2.228.319	5.695.817	36.135.858
1	Trường THPT Việt Đức	13.435.414	8.833.332	-	716.097	3.885.985	40.979	40.979	-	13.394.435	8.833.332	-	675.118	3.885.985
2	Trường THPT Phan Đình Phùng	12.901.298	10.332.152	357.959	457.445	1.753.742	4.789	4.789	-	12.896.509	10.332.152	357.959	452.656	1.753.742
3	Trường THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	31.565.686	17.916.084	1.136.090	1.480.712	11.032.800	169.300	169.300	169.300	31.396.386	17.916.084	1.136.090	1.480.712	10.863.500
4	Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai	12.725.298	6.578.393	-	660.037	3.540.026	105.102	105.102	-	12.620.196	6.578.393	-	554.935	3.540.026
5	Trường THPT Yên Lăng	9.949.127	6.382.629	734.270	332.041	2.304.423	186.501	186.501	186.501	9.762.626	6.382.629	734.270	332.041	2.117.922
6	Trường THPT Thạch Bàn	10.761.240	3.897.581	-	642.887	3.735.724	7.002	7.002	-	10.754.238	3.897.581	-	635.885	3.735.724
7	Trường THPT Lê Lợi	10.433.182	5.724.546	-	851.972	5.683.629	2.312	2.312	-	10.430.870	3.897.581	-	849.660	5.683.629
8	Trường THPT Phúc Lợi	11.016.311	5.724.546	-	736.435	4.555.330	21.625	21.625	-	10.994.686	5.724.546	-	714.810	4.555.330

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021**Đơn vị: Trường PTCS Xã Đàn****Chương 422 Loại 070 Khoản 072****Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1057908***(Kèm theo Quyết định số**/ QĐ - SGDĐT ngày**/**/ 2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo)**Đơn vị tính: nghìn đồng*

NỘI DUNG	Dự toán năm 2021 giao tại Quyết định số 2406/QĐ-SGDĐT ngày 23/12/2020 của Sở GDĐT	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán năm 2021 còn lại sau điều chỉnh
I. Dự toán chi ngân sách nhà nước	8.325.209	47.430	8.277.779
1. Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo	8.325.209	47.430	8.277.779
a. Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	8.325.209	47.430	8.277.779
- Tiền lương, phụ cấp, học bổng và các khoản có tính chất lương theo mức lương cơ sở 1.210.000 đồng/tháng	5.742.306		5.742.306
- Kinh phí ngân sách Thành phố cấp bổ sung để thực hiện cải cách tiền lương	1.040.436		1.040.436
- 10% tiết kiệm chi khác để cải cách tiền lương	171.740	-	171.740
- Chi khác ngoài lương (sau khi trừ 10% tiết kiệm để cải cách tiền lương)	1.370.727	47.430	1.323.297
<i>Kho bạc nhà nước nơi đơn vị sử dụng ngân sách giao dịch</i>	<i>KBNN Đống Đa</i>		

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021**Đơn vị: Trường THPT Việt Đức****Chương 422 Loại 070 Khoản 074****Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1057909***(Kèm theo Quyết định số**/ QĐ - SGDĐT ngày**/**/ 2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo)**Đơn vị tính: nghìn đồng*

NỘI DUNG	Dự toán năm 2021 giao tại Quyết định số 2406/QĐ-SGDĐT ngày 23/12/2020 của Sở GDĐT	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán năm 2021 còn lại sau điều chỉnh
I. Dự toán chi ngân sách nhà nước	13.435.414	40.979	13.394.435
1. Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo	13.435.414	40.979	13.394.435
a. Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	13.435.414	40.979	13.394.435
- Tiền lương, phụ cấp, học bổng và các khoản có tính chất lương theo mức lương cơ sở 1.210.000 đồng/tháng	8.833.332		8.833.332
- Kinh phí ngân sách Thành phố cấp bổ sung để thực hiện cải cách tiền lương	-		-
- 10% tiết kiệm chi khác để cải cách tiền lương	716.097	40.979	675.118
- Chi khác ngoài lương (sau khi trừ 10% tiết kiệm để cải cách tiền lương)	3.885.985	-	3.885.985
<i>Kho bạc nhà nước nơi đơn vị sử dụng ngân sách giao dịch</i>	<i>KBNN Hà Nội</i>		

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021**Đơn vị: Trường THPT Phan Đình Phùng****Chương 422 Loại 070 Khoản 074****Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1058612***(Kèm theo Quyết định số / QĐ - SGDDT ngày / / 2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo)**Đơn vị tính: nghìn đồng*

NỘI DUNG	Dự toán năm 2021 giao tại Quyết định số 2406/QĐ-SGDDT ngày 23/12/2020 của Sở GDĐT	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán năm 2021 còn lại sau điều chỉnh
I. Dự toán chi ngân sách nhà nước	12.901.298	4.789	12.896.509
1. Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo	12.901.298	4.789	12.896.509
a. Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	12.901.298	4.789	12.896.509
- Tiền lương, phụ cấp, học bổng và các khoản có tính chất lương theo mức lương cơ sở 1.210.000 đồng/tháng	10.332.152		10.332.152
- Kinh phí ngân sách Thành phố cấp bổ sung để thực hiện cải cách tiền lương	357.959		357.959
- 10% tiết kiệm chi khác để cải cách tiền lương	457.445	4.789	452.656
- Chi khác ngoài lương (sau khi trừ 10% tiết kiệm để cải cách tiền lương)	1.753.742	-	1.753.742
Kho bạc nhà nước nơi đơn vị sử dụng ngân sách giao dịch	KBNN Ba Đình		

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021**Đơn vị: Trường THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam****Chương 422 Loại 070 Khoản 074****Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1058609***(Kèm theo Quyết định số / QĐ - SGDĐT ngày / / 2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo)**Đơn vị tính: nghìn đồng*

NỘI DUNG	Dự toán năm 2021 giao tại Quyết định số 2406/QĐ-SGDĐT ngày 23/12/2020 của Sở GDĐT	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán năm 2021 còn lại sau điều chỉnh
I. Dự toán chi ngân sách nhà nước	31.565.686	169.300	31.396.386
1. Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo	31.565.686	169.300	31.396.386
a. Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	31.565.686	169.300	31.396.386
- Tiền lương, phụ cấp, học bổng và các khoản có tính chất lương theo mức lương cơ sở 1.210.000 đồng/tháng	17.916.084		17.916.084
- Kinh phí ngân sách Thành phố cấp bổ sung để thực hiện cải cách tiền lương	1.136.090		1.136.090
- 10% tiết kiệm chi khác để cải cách tiền lương	1.480.712	-	1.480.712
- Chi khác ngoài lương (sau khi trừ 10% tiết kiệm để cải cách tiền lương)	11.032.800	169.300	10.863.500
<i>Kho bạc nhà nước nơi đơn vị sử dụng ngân sách giao dịch</i>	<i>KBNN Ba Đình</i>		

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021**Đơn vị: Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai****Chương 422 Loại 070 Khoản 074****Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1058810***(Kèm theo Quyết định số / QĐ - SGDĐT ngày / / 2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo)**Đơn vị tính: nghìn đồng*

NỘI DUNG	Dự toán năm 2021 giao tại Quyết định số 2406/QĐ-SGDĐT ngày 23/12/2020 của Sở GDĐT	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán năm 2021 còn lại sau điều chỉnh
I. Dự toán chi ngân sách nhà nước	12.725.298	105.102	12.620.196
1. Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo	12.725.298	105.102	12.620.196
a. Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	12.725.298	105.102	12.620.196
- Tiền lương, phụ cấp, học bổng và các khoản có tính chất lương theo mức lương cơ sở 1.210.000 đồng/tháng	8.525.235		8.525.235
- Kinh phí ngân sách Thành phố cấp bổ sung để thực hiện cải cách tiền lương	-		-
- 10% tiết kiệm chi khác để cải cách tiền lương	660.037	105.102	554.935
- Chi khác ngoài lương (sau khi trừ 10% tiết kiệm để cải cách tiền lương)	3.540.026	-	3.540.026
<i>Kho bạc nhà nước nơi đơn vị sử dụng ngân sách giao dịch</i>	<i>KBNN Từ Liêm</i>		

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021**Đơn vị: Trường THPT Yên Lãng****Chương 422 Loại 070 Khoản 074****Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1004643***(Kèm theo Quyết định số**/ QĐ - SGDĐT ngày**/**/ 2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo)**Đơn vị tính: nghìn đồng*

NỘI DUNG	Dự toán năm 2021 giao tại Quyết định số 2406/QĐ-SGDĐT ngày 23/12/2020 của Sở GDĐT	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán năm 2021 còn lại sau điều chỉnh
I. Dự toán chi ngân sách nhà nước	9.949.127	186.501	9.762.626
1. Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo	9.949.127	186.501	9.762.626
a. Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	9.949.127	186.501	9.762.626
- Tiền lương, phụ cấp, học bổng và các khoản có tính chất lương theo mức lương cơ sở 1.210.000 đồng/tháng	6.578.393		6.578.393
- Kinh phí ngân sách Thành phố cấp bổ sung để thực hiện cải cách tiền lương	734.270		734.270
- 10% tiết kiệm chi khác để cải cách tiền lương	332.041	-	332.041
- Chi khác ngoài lương (sau khi trừ 10% tiết kiệm để cải cách tiền lương)	2.304.423	186.501	2.117.922
<i>Kho bạc nhà nước nơi đơn vị sử dụng ngân sách giao dịch</i>	<i>KBNN Mê Linh</i>		

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021**Đơn vị: Trường THPT Thạch Bàn****Chương 422 Loại 070 Khoản 074****Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1114833***(Kèm theo Quyết định số**/ QĐ - SGDĐT ngày**/**/ 2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo)**Đơn vị tính: nghìn đồng*

NỘI DUNG	Dự toán năm 2021 giao tại Quyết định số 2406/QĐ-SGDĐT ngày 23/12/2020 của Sở GDĐT	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán năm 2021 còn lại sau điều chỉnh
I. Dự toán chi ngân sách nhà nước	10.761.240	7.002	10.754.238
1. Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo	10.761.240	7.002	10.754.238
a. Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	10.761.240	7.002	10.754.238
- Tiền lương, phụ cấp, học bổng và các khoản có tính chất lương theo mức lương cơ sở 1.210.000 đồng/tháng	6.382.629		6.382.629
- Kinh phí ngân sách Thành phố cấp bổ sung để thực hiện cải cách tiền lương	-		-
- 10% tiết kiệm chi khác để cải cách tiền lương	642.887	7.002	635.885
- Chi khác ngoài lương (sau khi trừ 10% tiết kiệm để cải cách tiền lương)	3.735.724	-	3.735.724
<i>Kho bạc nhà nước nơi đơn vị sử dụng ngân sách giao dịch</i>	<i>KBNN Long Biên</i>		

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021**Đơn vị: Trường THPT Lê Lợi****Chương 422 Loại 070 Khoản 074****Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1118427***(Kèm theo Quyết định số**/ QĐ - SGDĐT ngày**/**/ 2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo)**Đơn vị tính: nghìn đồng*

NỘI DUNG	Dự toán năm 2021 giao tại Quyết định số 2406/QĐ-SGDĐT ngày 23/12/2020 của Sở GDĐT	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán năm 2021 còn lại sau điều chỉnh
I. Dự toán chi ngân sách nhà nước	10.433.182	2.312	10.430.870
1. Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo	10.433.182	2.312	10.430.870
a. Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	10.433.182	2.312	10.430.870
- Tiền lương, phụ cấp, học bổng và các khoản có tính chất lương theo mức lương cơ sở 1.210.000 đồng/tháng	3.897.581		3.897.581
- Kinh phí ngân sách Thành phố cấp bổ sung để thực hiện cải cách tiền lương	-		-
- 10% tiết kiệm chi khác để cải cách tiền lương	851.972	2.312	349.660
- Chi khác ngoài lương (sau khi trừ 10% tiết kiệm để cải cách tiền lương)	5.683.629	-	5.683.629
<i>Kho bạc nhà nước nơi đơn vị sử dụng ngân sách giao dịch</i>	<i>KBNN Hà Đông</i>		

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021

Đơn vị: Trường THPT Phúc Lợi

Chương 422 Loại 070 Khoản 074

Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1120979

(Kèm theo Quyết định số / QĐ - SGDĐT ngày / / 2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: nghìn đồng

NỘI DUNG	Dự toán năm 2021 giao tại Quyết định số 2406/QĐ-SGDĐT ngày 23/12/2020 của Sở GDĐT	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán năm 2021 còn lại sau điều chỉnh
I. Dự toán chi ngân sách nhà nước	11.016.311	21.625	10.994.686
1. Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo	11.016.311	21.625	10.994.686
a. Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	11.016.311	21.625	10.994.686
- Tiền lương, phụ cấp, học bổng và các khoản có tính chất lương theo mức lương cơ sở 1.210.000 đồng/tháng	5.724.546		5.724.546
- Kinh phí ngân sách Thành phố cấp bổ sung để thực hiện cải cách tiền lương	-		-
- 10% tiết kiệm chi khác để cải cách tiền lương	736.435	21.625	714.810
- Chi khác ngoài lương (sau khi trừ 10% tiết kiệm để cải cách tiền lương)	4.555.330	-	4.555.330
Kho bạc nhà nước nơi đơn vị sử dụng ngân sách giao dịch	KBNN Long Biên		